|  |  |
| --- | --- |
| Ngày dạy: | Ngày soạn: |

Tiết theo KHBD:

**BÀI: LUYỆN TẬP CHUNG**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

**I. Mục tiêu: WCD644**

**1. Về kiến thức:**

- Tìm các ước và bội.

- Vận dụng tính chấ chia hết của một tổng.

- Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.

- Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích của các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học:

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học:**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**  (5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố cách tìm các ước và bội, tính chất chia hết của một tổng, dấu hiệu chia hết cho ; ; ; .

- Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích của các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**b) Nội dung:**

- Gv yêu cầu HS lên bảng trả lời và thực hành.

**c) Sản phẩm:**

- HS trả lời đúng cách tìm các ước và bội, tính chất chia hết của một tổng, dấu hiệu chia hết cho ; ; ; .

- Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích của các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - HS 1: Nhắc lại cách tìm các ước và bội, tính chất chia hết của một tổng, dấu hiệu chia hết cho ; ; ; .  - HS2: Lấy một số bất kì. Phân tích số đó ra thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe giáo viên giao nhiệm vụ.  - HS1: Lên bảng trả lời.  - HS2: Làm trên bảng  - HS ở dưới lớp theo dõi câu trả lời và bài làm trên bảng.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS1: Lên bảng trả lời.  - HS2: Làm trên bảng.  - HS ở dưới lớp theo dõi câu trả lời và bài làm trên bảng.  **\* Kết luận, nhận định**  ­- GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả và cho điểm. |  |

**2. Hoạt động 2: Luyện tập**  (38 phút)

**Hoạt động 2.1: Ví dụ 1; 2; 3**  (15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS biết tìm ước và số ước thông qua bài toán có lời văn.

- Biết sử dụng dấu hiệu chia hết để xem một số có chia hết cho một hay nhiều số.

- Thành thạo phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây, sơ đồ cột.

**b) Nội dung:**

- HS nghiên cứu ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3 trình bày trong Sgk/43 từ đó làm các bài tập tương tự.

**c) Sản phẩm:**

- Học sinh hiểu và làm được các ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| HS1:  Ví dụ 1: Đội văn nghệ có 36 bạn, được xếp thành các hàng có số người bằng nhau. Hỏi có thể có những cách xếp hàng nào, biết mỗi hàng từ 3 đến 12 bạn?  HS2:  Ví dụ 2: Sử dụng dấu hiệu chia hết, hãy cho biết số  có chia hết cho ; ; ; ; .  HS3:  Phân tích số  thành thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây, sơ đồ cột.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghiên cứu các ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3 trong Sgk/43 trong thời gian 5 phút.  - HS cả lớp làm xong, theo dõi bài làm của HS trên bảng.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS1; HS2; HS3 lên bảng làm các ví dụ 1; ví dụ 2; ví dụ 3.  - HS theo dõi nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV gọi từng HS đứng tại chỗ lần lượt nhận xét bài làm của HS trên bảng.  - GV đánh giá kết quả của các nhóm, chính xác hóa kết quả.  - GV củng cố cho HS việc áp dụng dấu hiệu chia hết, bài toán tìm ước vào các bài toán thực tế. | 1) **Ví dụ**  \*)Ví dụ 1:  Do xếp  bạn thành các hàng đều nhau nên số bạn ở mỗi hàng phải là ước của .  Ta có  .  Vì mỗi hàng có từ  đến  bạn nên số bạn trong mỗi hàng có thể là: ; ; ; ; .  Do đó, ta có  cách xếp thỏa mãn yêu cầu đề bài, cụ thể:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số bạn ở mỗi hàng | 3 | 4 | 6 | 9 | 12 | | Số hàng | 12 | 9 | 6 | 4 | 3 |   \*) Ví dụ 2:  có chữ số tận cùng là số chẵn nên.  có tổng các chữ số là  và  nên .  Chữ số tận cùng của  khác  và  nên .  có tổng các chữ số là  và  nên .  Chữ số tận cùng của  khác  nên .  \*)Ví dụ 3  Cách 1: Sơ đồ cây  140  2 70  2 35    5 7  Ta viết :  Cách 2: Sơ đồ cột   |  |  | | --- | --- | | 140 | 2 | | 70 | 2 | | 35 | 5 | | 7 | 7 | | 1 |  |   Ta viết : |

**Hoạt động 3: Vận dụng** (23 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng khái niệm số nguyên tố, hợp số để giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:**

- HS làm các bài tập 2.32 SBT trang 37; 2.28; 2.29 SGK trang 43.

**c) Sản phẩm:**

- HS tìm được các số chia hết cho ; .

- HS tìm được x thảo mãn điều kiện đầu bài.

- Biết vận dụng kiến thức để giải bài toán có lời văn chính xác.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  **+ Gv giao lần lượt các nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm làm bài tập 2.32 SBT trang 37.  - HS hoạt động cá nhân làm bài tập 2.28 SGK trang 43.  - Cuộc thi ai tìm người anh em sinh đôi nhanh hơn bài tập 2.29 SGK trang 43.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ và phân tích đề bài.  - Thực hiện các yêu cầu GV giao cho.  - HS đứng tại chỗ đại diện nhóm trả lời bài 2.32 SBT trang 37. Các nhóm nhận xét câu trả lời.  - HS lên bảng trình bày bài tập 2,28 SGK trang 43.  - HS thực hiện cuộc thi ai tìm người anh em sinh đôi nhanh hơn bài tập 2.29 SGK trang 43.  **\* Báo cáo, thảo luận.**  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả nhóm mình bài 2.32 SBT trang 37. Các nhóm còn lại nhận xét bài của các nhóm.  - GV yêu cầu HS nhận xét lời giải bài tập 2.28 SGK trang 43 trên bảng.  - Cuộc thi ai tìm người anh em sinh đôi nhanh hơn bài tập 2.29 SGK trang 43. HS đứng tại chỗ trả lời nhanh.  - Cả lớp quan sát, lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định.**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm tối ưu và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **2) Luyện tập**  \*)Bài tập 2.32 (SBT trang 37)  a) Số  thành tổng của ba số nguyên tố là  hoặc  hoặc .  Số  thành tổng của ba số nguyên tố là  hoặc .  b) Số  thành tổng của hai số nguyên tố là  hoặc  hoặc  hoặc .  Số  thành tổng của hai số nguyên tố là  hoặc  hoặc  hoặc .  \*)Bài tập 2.28 (SGK trang 43)  Cô giáo chia  học sinh thành các nhóm có số người như nhau nên số nhóm là ước của .  Ta có  .  Vì chia  học sinh thành các nhóm và mỗi nhóm nhiều hơn  người nên số nhóm có thể là ; ; ; ; .  Do đó, ta có  cách xếp thỏa mãn yêu cầu đề bài, cụ thể:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số học sinh ở  mỗi nhóm | 4 | 5 | 8 | 10 | 20 | | Số nhóm | 10 | 8 | 5 | 4 | 2 |   \*)Bài tập 2.29 (SGK trang 43)  Các cặp nguyên tố sinh đôi nhỏ hơn  và thỏa mãn điều kiện đầu bài là:  và ;  và ;  và ;  và ;  và . |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** **(2 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng được các cách phân tích một số ra thừa số nguyên tố vào làm bài tập

**b) Nội dung:**

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân bài tập: 2.26; 2.27; 2.28; SBT trang 36.

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**⏩ Giao nhiệm vụ**

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học thuộc: khái niệm số nguyên tố, hợp số, các cách phân tích ra thừa số nguyên tố.

- Làm bài tập 2.26; 2.27; 2.28; SBT trang 36.

- Đọc trước bài 11: Ước chung, ước chung lớn nhất.